

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DỊCH VỤ HOÀNG HUY**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**  
**QUÝ 2 - 2021**



---

Tháng 7 năm 2021

---

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	03 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	05
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	06 - 07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	08 - 29

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/06/2021.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Đỗ Hữu Hạ	Chủ tịch
Ông Đỗ Hữu Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Ông Trần Mạnh Luân	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Thế Hùng	Giám đốc
---------------------	----------

#### **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thế Hùng	Giám đốc
---------------------	----------

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng .

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng .

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/06/2021, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



---

**Nguyễn Thế Hùng**  
**Giám đốc**

*Ngày 26 tháng 07 năm 2021*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>238.801.339.808</b>	<b>243.456.067.935</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>22.713.582.769</b>	<b>33.391.595.439</b>
1. Tiền	111		22.713.582.769	33.391.595.439
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>91.690.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		36.000.000.000	91.690.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.628.155.566</b>	<b>16.451.331.459</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		11.555.218.182	13.999.218.182
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.000.000	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	60.937.384	2.452.113.277
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>157.853.419.897</b>	<b>97.756.974.200</b>
1. Hàng tồn kho	141	7	170.933.473.445	110.597.545.856
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(13.080.053.548)	(12.840.571.656)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10.606.181.576</b>	<b>4.166.166.837</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		61.422.256	20.520.794
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.544.759.320	4.145.646.043
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.358.091.963.480</b>	<b>3.359.113.897.942</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.586.571.960</b>	<b>9.600.227.619</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	8.586.571.960	9.600.227.619
- Nguyên giá	222		14.627.616.249	15.266.879.337
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.041.044.289)	(5.666.651.718)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.128.409.091</b>	<b>2.128.409.091</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.128.409.091	2.128.409.091
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>3.347.372.297.286</b>	<b>3.347.372.297.286</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.029.032.297.286	1.029.032.297.286
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.318.340.000.000	2.318.340.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.685.143</b>	<b>12.963.946</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.685.143	12.963.946
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>3.596.893.303.288</b>	<b>3.602.569.965.877</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>310.936.856.143</b>	<b>328.389.206.407</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>310.936.856.143</b>	<b>328.389.206.407</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	9	36.163.026.369	17.719.634.220
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		4.764.479.988	5.035.389.079
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		2.762.352.699	2.581.146.260
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		236.545.455	1.251.545.455
5. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	10	47.077.148.350	51.769.102.322
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	11	213.475.000.000	243.475.000.000
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	99.085.789
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.458.303.282	6.458.303.282
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.285.956.447.145</b>	<b>3.274.180.759.470</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>12</b>	<b>3.285.956.447.145</b>	<b>3.274.180.759.470</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.747.440.630.000	2.747.440.630.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		2.747.440.630.000	2.747.440.630.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		139.338.931.645	139.338.931.645
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.572.915.034	19.572.915.034
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		379.603.970.466	367.828.282.791
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421		367.828.282.791	154.004.085.464
- LNST chưa phân phối năm nay	421		11.775.687.675	213.824.197.327
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>3.596.893.303.288</b>	<b>3.602.569.965.877</b>



Phạm Hồng Dung  
Người lập biểu  
Ngày 26 tháng 07 năm 2021



Hồ Thị Xuân Hòa  
Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Hùng  
Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/06/2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021		Năm 2020	
			Quý 2 Năm 2021	Lũy kế đến 30/06/2021	Quý 2 Năm 2020	Lũy kế đến 30/06/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	128.319.091.823	195.700.719.102	36.583.291.821	92.761.255.743
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)		10	128.319.091.823	195.700.719.102	36.583.291.821	92.761.255.743
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		11 16	112.588.722.768	172.872.372.931	34.252.802.132	43.723.282.052
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)		20	15.730.369.055	22.828.346.171	2.330.489.689	49.037.973.691
6. Doanh thu hoạt động tài chính		21	1.967.471.943	3.452.255.482	146.397.328.704	160.779.613.150
7. Chi phí tài chính		22	3.585.087.474	7.470.625.830	10.547.874	10.547.874
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	2.583.991.370	7.469.529.726	-	-
8. Chi phí bán hàng		25	1.131.122.951	2.179.122.448	588.229.717	835.893.728
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		26	1.218.097.978	2.299.139.483	848.668.197	1.557.509.724
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))		30	11.763.532.595	14.331.713.892	147.280.372.605	207.413.635.515
11. Thu nhập khác		31	536.691.458	975.553.606	1.273.042.957	1.356.292.759
12. Chi phí khác		32	-	-	1.274.986	1.366.047
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)		40	536.691.458	975.553.606	1.271.767.971	1.354.926.712
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		50	12.300.224.053	15.307.267.498	148.552.140.576	208.768.562.227
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành		51	2.740.752.699	3.531.579.823	2.579.936.719	5.485.365.726
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)		60	9.559.471.354	11.775.687.675	145.972.203.857	203.283.196.501



**Phạm Hồng Dung**  
Người lập biểu  
Ngày 26 tháng 07 năm 2021



**Hồ Thị Xuân Hòa**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thế Hùng**  
Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
		Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>15.307.267.498</i>	<i>208.768.562.227</i>
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	1.013.655.659	711.282.509
Các khoản dự phòng	03	140.396.103	686.208.860
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(16.754.946)	10.542.423
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.896.343.679)	(160.800.256.720)
Chi phí lãi vay	06	7.469.529.726	
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
<i>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	<i>08</i>	<i>21.017.750.361</i>	<i>49.376.339.299</i>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(4.084.113.277)	(184.998.671.692)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(60.335.927.589)	38.933.229.483
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	17.109.034.109	(7.983.917.017)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(32.622.659)	(10.652.630)
Tiền lãi vay đã trả	14	(12.137.683.698)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.307.873.384)	(8.080.078.376)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>	<i>(41.771.436.137)</i>	<i>(112.763.750.933)</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(7.460.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	136.363.636	1.318.181.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(15.000.000.000)	(252.517.271.426)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	70.690.000.000	807.577.048.455
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		(858.150.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.268.155.936	390.284.044.568
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>	<i>61.094.519.572</i>	<i>81.052.003.415</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	134.749.964.200
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(30.000.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(30.000.000.000)</i>	<i>134.749.964.200</i>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(10.676.916.565)</b>	<b>103.038.216.682</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>33.391.595.439</b>	<b>16.483.670.555</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.096.105)	(2.046.596)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>22.713.582.769</b>	<b>119.519.840.641</b>

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng*



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

**MÃ SỐ B 03a-DN**  
Đơn vị: VND



**Phạm Hồng Dung**  
Người lập biểu  
Ngày 26 tháng 07 năm 2021



**Hồ Thị Xuân Hòa**  
Kế toán trưởng



**Nguyễn Thế Hùng**  
Giám đốc

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy là Doanh nghiệp cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0200815578 đăng ký lần đầu ngày 10/05/2008 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 13 ngày 09/07/2019.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 là: 2.747.440.630.000 đồng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là HHS.

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác, sản xuất đồ gỗ xây dựng; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy; Bán ô tô, xe máy; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt); Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất mô tô, xe máy.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh ô tô tải, cho thuê văn phòng, xây dựng và kinh doanh nhà các loại.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30/06/2021, Công ty có các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

*Công ty con:*

<b>Tên công ty con</b>	<b>Nơi thành lập và hoạt động</b>	<b>Tỷ lệ phần sở hữu %</b>	<b>Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %</b>	<b>Hoạt động chính</b>
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km9 quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	99,78	99,78	Kinh doanh ô tô
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Phòng A, tầng 8, tòa nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	90,17	90,17	XD nhà ở xã hội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**

*Công ty liên kết:*

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần	Tỷ lệ quyền	Hoạt động chính
		số hữu %	biểu quyết năm giữ %	
Công ty CP Tập đoàn bất động sản CRV	Tầng 12, Tòa tháp Gold Tower, số 275, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	35,17	35,17	Kinh doanh bất động sản

**2. KỶ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Kỷ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động quý II năm 2021 phản ánh tình hình hoạt động của Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/06/2021.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng :

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

#### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

##### **Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Theo quy định tại Điều 28 - Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý của Luật Kế toán số 88/2015/HQH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015 có hiệu lực kể từ ngày kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối kỳ. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng giá trị hợp lý theo chính sách kế toán như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- c) Hàng tồn kho được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành,*
- d) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a,b,c trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

##### **Công cụ tài chính**

###### **Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

###### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

##### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

##### **Các khoản đầu tư tài chính**

###### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### **Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết*

#### *Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ, mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ vốn góp của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu Công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

#### *Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019-TT-TC ngày 8/8/2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp” và các quy định kế toán hiện hành.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### **Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

*Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:*

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: Căn cứ vào khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định hiện hành.

#### **Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

#### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Phương pháp tính giá hàng tồn kho: bình quân gia quyền. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Theo chính sách kế toán của Công ty: Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng đối với linh kiện chậm luân chuyển từ 12 tháng đến 18 tháng là 40%, từ 18 tháng đến 24 tháng là 70%, và 100% đối với các linh kiện chậm luân chuyển trên 24 tháng và tỷ lệ 40% đối với hàng hóa chậm luân chuyển từ 02 năm trở lên, 40% đối với ô tô, đầu kéo chậm luân chuyển trên 02 năm.

#### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Máy móc thiết bị	08
Thiết bị quản lý	05
Phương tiện vận tải	08

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### **Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

#### **Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

#### ***Dự phòng bảo hành:***

Dự phòng bảo hành liên quan chủ yếu đến số hàng hóa đã bán và được tính bằng 0,045%/doanh thu.

#### **Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu:*** Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

***Thặng dư vốn cổ phần:*** Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

***Vốn khác của chủ sở hữu:*** Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

***Cổ phiếu quỹ:*** Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

### **3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

#### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

#### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

#### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

##### Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

##### Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### 4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	545.371.108	997.067.216
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.168.211.661	32.394.528.223
<b>Cộng</b>	<b>22.713.582.769</b>	<b>33.391.595.439</b>

#### 5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>91.690.000.000</b>	<b>91.690.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	36.000.000.000	36.000.000.000	91.690.000.000	91.690.000.000
<b>Cộng</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>91.690.000.000</b>	<b>91.690.000.000</b>

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn phản ánh khoản tiền gửi có thời gian đáo hạn từ 06 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại có phần và hưởng lãi suất từ 5,2%/năm đến 5,3%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH ( Tiếp theo)**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND
Đầu tư vào công ty con (1)	1.029.032.297.286	(*)	-	1.029.032.297.286
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (2)	2.318.340.000.000	(*)	-	2.318.340.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.347.372.297.286</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.347.372.297.286</b>

(\*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết cần được trình bày, tùy nhiên Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý nên trình bày theo giá trị sổ sách. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này nếu xác định được có thể khác với giá trị ghi sổ.

(1) Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động		Hoạt động chính	Tỷ lệ biểu quyết %	Tỷ lệ sở hữu %
	Tên công ty	Địa chỉ			
Công ty cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Km 9, Quốc lộ 5, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng	Kinh doanh ô tô và xe có động cơ		99,78	99,78
Công ty TNHH Prukxa Việt Nam	Phòng A, tầng 8, tòa nhà 116 Nguyễn Đức Cảnh, Lê Chân, Hải Phòng	XD nhà ở xã hội		90,17	90,17

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

(2) Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty CP Tập đoàn bất động sản CRV	231.834.000	2.318.340.000.000	231.834.000	2.318.340.000.000
<b>Cộng</b>	<b>231.834.000</b>	<b>2.318.340.000.000</b>	<b>231.834.000</b>	<b>2.318.340.000.000</b>

Thông tin chi tiết về các Công ty liên kết tại ngày 30/06/2021 như sau :

Tên công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty CP Tập đoàn bất động sản CRV	Tầng 12, Tòa tháp Gold Tower, số 275, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	35,17	35,17	Kinh doanh bất động sản

**6. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<i>Ngắn hạn</i>	<b>60.937.384</b>	<b>2.452.113.277</b>
Lãi tiền gửi phải thu	52.249.315	2.443.425.208
Phải thu khác	8.688.069	8.688.069
	<b>60.937.384</b>	<b>2.452.113.277</b>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	69.312.167.621	13.080.053.548	40.088.989.929	12.840.571.656
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Thành phẩm	1.391.476.060	-	712.755.907	-
Hàng hóa	29.159.321.370	-	25.345.837.826	-
Hàng gửi bán	71.070.508.394	-	44.449.962.194	-
<b>Cộng</b>	<b>170.933.473.445</b>	<b>13.080.053.548</b>	<b>110.597.545.856</b>	<b>12.840.571.656</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2021	1.309.784.122	13.490.878.417	466.216.798	15.266.879.337
Thanh lý	-	(639.263.088)		(639.263.088)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>1.309.784.122</b>	<b>12.851.615.329</b>	<b>466.216.798</b>	<b>14.627.616.249</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2021	928.143.378	4.305.752.832	432.755.508	5.666.651.718
Khấu hao trong năm	208.581.768	792.773.891	12.300.000	1.013.655.659
Giảm trong năm		(639.263.088)		(639.263.088)
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>	<b>1.136.725.146</b>	<b>4.459.263.635</b>	<b>445.055.508</b>	<b>6.041.044.289</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2021	381.640.744	9.185.125.585	33.461.290	9.600.227.619
Tại ngày 30/06/2021	173.058.976	8.392.351.694	21.161.290	8.586.571.960

**9. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>36.163.026.369</i>	<i>36.163.026.369</i>	<i>17.719.634.220</i>	<i>17.719.634.220</i>
DongFeng Commercial Vehicle Co.,LTD	33.368.521.199	33.368.521.199	15.628.712.000	15.628.712.000
Công ty Cổ phần ô tô chuyên dùng Tuấn Phương	321.000.000	321.000.000	771.000.000	771.000.000
Sinya Pingyun Industrial and trade Co Ltd	1.128.505.170	1.128.505.170	1.131.922.220	1.131.922.220
Các đối tượng khác	1.345.000.000	1.345.000.000	188.000.000	188.000.000
<b>Cộng</b>	<b>36.163.026.369</b>	<b>36.163.026.369</b>	<b>17.719.634.220</b>	<b>17.719.634.220</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**10. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<i>Ngắn hạn</i>	<u>47.077.148.350</u>	<u>47.100.948.350</u>
Công ty TNHH Pruksa International (*)	47.074.020.000	47.074.020.000
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	-	4.668.153.972
Các khoản phải trả khác	3.128.350	26.928.350
<b>Cộng</b>	<u><b>47.077.148.350</b></u>	<u><b>51.769.102.322</b></u>

(\*) Công ty TNHH Pruksa International đã ứng 2.261.000 USD (tương đương với 47.074.020.000 VND) cho công ty để triển khai dự án nhà ở dành cho người có thu nhập thấp tại An Đồng, An Dương, Hải Phòng, Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
		VND				VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	<b>243.475.000.000</b>	<b>243.475.000.000</b>	-	<b>30.000.000.000</b>	<b>213.475.000.000</b>	<b>213.475.000.000</b>
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	243.475.000.000	243.475.000.000		30.000.000.000	213.475.000.000	213.475.000.000
<b>Cộng</b>	<b>243.475.000.000</b>	<b>243.475.000.000</b>	-	<b>30.000.000.000</b>	<b>213.475.000.000</b>	<b>213.475.000.000</b>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay Công ty TNHH Pruksa Việt Nam (Công ty con) theo hợp đồng vay số 09.07/2020/PRU-HHS và 10.08/2020/PRU-HHS với lãi suất 6,8%/năm, khoản vay không có tài sản đảm bảo, thực hiện cơ chế luân chuyển nguồn vốn đầu tư, kinh doanh của Công ty theo chủ trương của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 07/NQ-HĐQT ngày 09/07/2020.

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

*Thay đổi trong vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số đầu năm trước	2.747.440.630.000	139.270.925.591	(134.681.958.146)	19.572.915.034	263.901.710.664	3.035.504.223.143
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	213.824.197.327	213.824.197.327
Tăng, giảm trong năm	-	68.006.054	134.681.958.146	-	-	134.749.964.200
Chia cổ tức	-	-	-	-	(109.897.625.200)	(109.897.625.200)
Số đầu năm nay	<b>2.747.440.630.000</b>	<b>139.338.931.645</b>	-	<b>19.572.915.034</b>	<b>367.828.282.791</b>	<b>3.274.180.759.470</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	11.775.687.675	11.775.687.675
Số cuối kỳ nay	<b>2.747.440.630.000</b>	<b>139.338.931.645</b>	-	<b>19.572.915.034</b>	<b>379.603.970.466</b>	<b>3.285.956.447.145</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành, vốn điều lệ của công ty là 2.747.440.630.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm ngày 30/06/2021 như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy (*)	1.402.893.340.000	51,06	1.004.893.340.000	36,58
Ông Đỗ Hữu Hạ	-	-	148.000.000.000	5,39
Cổ đông khác	1.344.547.290.000	48,94	1.594.547.290.000	58,03
<b>Cộng</b>	<b>2.747.440.630.000</b>	<b>100</b>	<b>2.747.440.630.000</b>	<b>100</b>

(\*) Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đã mua lại 14.800.000 cổ phiếu của Công ty từ Ông Đỗ Hữu Hạ. Tại ngày 30/06/2021, Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ Tài chính Hoàng Huy đang sở hữu 140.289.334 cổ phần của Công ty, tương đương tổng mệnh giá 1.402.893.340.000 đồng, tương đương tỷ lệ 51,06% cổ phần.

**Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	2.747.440.630.000	2.747.440.630.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	2.747.440.630.000	2.747.440.630.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	274.744.063	274.744.063
- Số lượng cổ phiếu phổ thông	274.744.063	274.744.063
- Số lượng cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	274.744.063	274.744.063

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**13. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngoại tệ (USD)	26.304,25	180,15

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**14. BÁO CÁO THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Công ty có trụ sở hoạt động tại thành phố Hải Phòng và cung cấp hàng hóa cho khách hàng thuộc 3 miền bao gồm miền Bắc, miền Trung, miền Nam. Báo cáo bộ phận được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021 như sau:

Chỉ tiêu	Miền Bắc VND	Miền Trung VND	Miền Nam VND	Cộng VND
<b>1. Doanh thu thuần</b>	<b>91.094.482.738</b>	<b>7.500.000.000</b>	<b>97.106.236.364</b>	<b>195.700.719.102</b>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	91.094.482.738	7.500.000.000	97.106.236.364	195.700.719.102
<b>2. Giá vốn</b>	<b>79.225.594.451</b>	<b>7.308.818.366</b>	<b>86.337.960.114</b>	<b>172.872.372.931</b>
Giá vốn của hàng hóa thành phẩm đã bán	78.986.112.559	7.308.818.366	86.337.960.114	172.632.891.039
Dự phòng giảm giá HTK	239.481.892	-	-	239.481.892
<b>3. Lợi nhuận gộp</b>	<b>11.868.888.287</b>	<b>191.181.634</b>	<b>10.768.276.250</b>	<b>22.828.346.171</b>
LN gộp của hàng hóa, thành phẩm	12.108.370.179	191.181.634	10.768.276.250	23.067.828.063

Các tài sản của Công ty được sử dụng tại trụ sở chính của Công ty nên Công ty không phân bổ cho từng khu vực địa lý.

**Báo cáo bộ phận thứ yếu - theo lĩnh vực kinh doanh**

Trong kỳ, Công ty chỉ kinh doanh ô tô các loại, do đó không có báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh.

**15. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2021		Năm 2020	
	Quý 2	Lũy kế đến 30/06/2021	Quý 2	Lũy kế đến 30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ trong kỳ</b>	<b>128.319.091.823</b>	<b>195.700.719.102</b>	<b>36.583.291.821</b>	<b>92.761.255.743</b>
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	128.319.091.823	195.700.719.102	36.583.291.821	46.915.110.004
Doanh thu hoạt động hợp tác kinh doanh	-	-	-	45.846.145.739
<b>Cộng</b>	<b>128.319.091.823</b>	<b>195.700.719.102</b>	<b>36.583.291.821</b>	<b>92.761.255.743</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2021		Năm 2020	
	Quý 2	Lũy kế đến 30/06/2021	Quý 2	Lũy kế đến 30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
Giá vốn bán hàng, thành phẩm	112.349.240.876	172.632.891.039	33.566.593.272	43.037.073.192
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	239.481.892	239.481.892	686.208.860	686.208.860
<b>Cộng</b>	<b>112.588.722.768</b>	<b>172.872.372.931</b>	<b>34.252.802.132</b>	<b>43.723.282.052</b>

**17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2021		Năm 2020	
	Quý 2	Lũy kế đến 30/06/2021	Quý 2	Lũy kế đến 30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.351.178.622	2.759.980.043	9.896.568.357	24.266.744.986
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-	136.500.750.000	136.500.750.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	616.293.321	692.275.439	10.347	12.118.164
<b>Cộng</b>	<b>1.967.471.943</b>	<b>3.452.255.482</b>	<b>146.397.328.704</b>	<b>160.779.613.150</b>

**18. LỢI NHUẬN KHÁC**

	Năm 2021		Năm 2020	
	Quý 2	Lũy kế đến 30/06/2021	Quý 2	Lũy kế đến 30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>536.691.458</b>	<b>975.553.606</b>	<b>2.558.464.858</b>	<b>2.641.714.660</b>
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	-	136.363.636	1.318.181.818	1.318.181.818
Thương doanh số	491.691.458	794.189.970	1.240.283.040	1.323.532.842
Các khoản khác	45.000.000	45.000.000	-	-
<b>Chi phí khác</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.286.696.887</b>	<b>1.286.787.948</b>
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhuộm bán TSCĐ;	-	-	1.285.421.901	1.285.421.901
Các khoản chi phí khác	-	-	1.274.986	1.366.047
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>536.691.458</b>	<b>975.553.606</b>	<b>1.271.767.971</b>	<b>1.354.926.712</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.713.582.769	33.391.595.439
Phải thu khách hàng, phải thu khác	11.616.155.566	16.451.331.459
Đầu tư tài chính ngắn hạn	36.000.000.000	91.690.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	3.347.372.297.286	3.347.372.297.286
<b>Cộng</b>	<b>3.417.702.035.621</b>	<b>3.488.905.224.184</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	213.475.000.000	243.475.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	83.240.174.719	69.488.736.542
Chi phí phải trả	236.545.455	1.251.545.455
Công nợ tài chính khác	-	99.085.789
<b>Cộng</b>	<b>296.951.720.174</b>	<b>314.314.367.786</b>

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính riêng Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính riêng và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính riêng Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện phần lớn giao dịch mua hàng hóa có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào bởi vì các khoản phải vay áp dụng lãi suất cố định

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Quản lý rủi ro thanh khoản ( Tiếp theo )*

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.713.582.769	-	22.713.582.769
Phải thu khách hàng và phải thu khác	11.616.155.566	-	11.616.155.566
Đầu tư tài chính ngắn hạn	36.000.000.000	-	36.000.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	3.347.372.297.286	3.347.372.297.286
<b>Cộng</b>	<b>70.329.738.335</b>	<b>3.347.372.297.286</b>	<b>3.417.702.035.621</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			
Các khoản vay	213.475.000.000	-	213.475.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	83.240.174.719	-	83.240.174.719
Chi phí phải trả	236.545.455	-	236.545.455
Công nợ tài chính khác	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>296.951.720.174</b>	<b>-</b>	<b>296.951.720.174</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(226.621.981.839)</b>	<b>3.347.372.297.286</b>	<b>3.120.750.315.447</b>

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 - 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	33.391.595.439	-	33.391.595.439
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.451.331.459	-	16.451.331.459
Đầu tư tài chính ngắn hạn	91.690.000.000	-	91.690.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	3.347.372.297.286	3.347.372.297.286
<b>Cộng</b>	<b>141.532.926.898</b>	<b>3.347.372.297.286</b>	<b>3.488.905.224.184</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Các khoản vay	243.475.000.000	-	243.475.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	69.488.736.542	-	69.488.736.542
Chi phí phải trả	1.251.545.455	-	1.251.545.455
Công nợ tài chính khác	99.085.789	-	99.085.789
<b>Cộng</b>	<b>314.314.367.786</b>	<b>-</b>	<b>314.314.367.786</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(172.781.440.888)</b>	<b>3.347.372.297.286</b>	<b>3.174.590.856.398</b>

Ban giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**20. THÔNG TIN VỀ CÁC DỰ ÁN**

***Dự án Nhà ở thu nhập thấp (tại Công ty TNHH Pruksa Việt Nam)***

Ngày 02/01/2013, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã cấp Giấy chứng nhận Đầu tư số 021022000215 cấp ngày 12/07/2010 thành lập Công ty TNHH Pruksa Việt Nam, điều chỉnh lần 1 ngày 26/07/2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0201288966 thay đổi lần thứ ba ngày 10/11/2017 của Công ty TNHH Pruksa Việt Nam, theo đó vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 566.440.000.000 đồng, Công ty cổ phần Đầu tư dịch vụ Hoàng Huy sở hữu 510.774.000.000 đồng chiếm 90,17%.

Ngày 29/06/2017, UBND thành phố Hải Phòng đã cấp Quyết định số 1662/QĐ-UBND về việc điều chỉnh Quyết định số 1614/QĐ-UBND ngày 13/07/2015 về việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án này do Công ty TNHH Pruksa Việt Nam là chủ đầu tư với tổng diện tích giao đất là 201.014,3 m<sup>2</sup>.

Ngày 15/12/2016, UBND huyện An Dương đã phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết khu tỷ lệ 1/500 khu nhà ở cho người có thu nhập thấp tại xã An Đông, huyện An Dương chi tiết như sau:

- (1) Nhà ở xã hội chung cư 03 tầng: gồm 24 lô đất, tổng diện tích 59.749,2m<sup>2</sup>, tổng số căn hộ được thiết kế là 1.908 căn. Hiện tại, tổng số căn hộ đã bán và cho thuê gần hết.
- (2) Nhà ở xã hội chung cư 05 tầng: gồm 01 lô đất, tổng diện tích 3.410,1m<sup>2</sup>, tổng số căn hộ được thiết kế là 90 căn. Tại thời điểm ngày 30/06/2021, tổng số căn hộ đã bán và cho thuê gần hết.
- (3) Nhà ở thương mại dịch vụ liên kề: gồm 06 lô đất, tổng diện tích 16.160,4m<sup>2</sup>, tổng số căn hộ được thiết kế là 242 căn. Tại thời điểm ngày 30/06/2021, tổng đã bán hết 100% căn hộ.
- (4) Khu tái định cư: gồm 01 lô đất, tổng diện tích 1.265,5m<sup>2</sup>, tổng số căn hộ được thiết kế là 11 căn;
- (5) Và các công trình công cộng khác như: Trường mẫu giáo, nhà điều hành, nhà văn hóa, cây xanh công viên-thể dục thể thao, bãi đỗ xe, đầu mối kỹ thuật và đất giao thông chung. Các công trình này đã được xây dựng và hoàn thiện xong.

Hiện tại, dự án đã bán hoặc cho thuê gần hết các sản phẩm nhà ở, còn lại một số hạng mục công trình văn hóa, thể thao đang thực hiện.

***Các dự án của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV***

- Tên dự án: Trung tâm thương mại – Dịch vụ, nhà ở Golden – Land Building;
- Địa điểm thực hiện dự án: số 275 Đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội;
- Mục đích xây dựng: xây dựng công trình hỗn hợp cao tầng đầu tư Trung tâm thương mại – Dịch vụ, nhà ở Golden – Land Building;
- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Thương mại Hưng Việt ( Nay là Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV);
- Nguồn vốn đầu tư: Đầu tư từ nguồn vốn tự có và nguồn vốn vay;
- Quy mô đầu tư dự án và thực trạng dự án:

+ Tòa nhà N01: Gồm 03 công trình, trong đó có hai công trình cao 25 tầng và một công trình cao 27 tầng. Tại thời điểm 30/06/2021, dự án đã hoàn thành, đã bán và bàn giao gần hết các căn hộ và sản phẩm văn phòng, gian hàng cho thuê.

+ Tòa nhà N02: Xây dựng khu nhà ở cao tầng bàn giao cho thành phố Hà Nội theo Quyết định số 153/2006/QĐ-UBND ngày 31/08/2006. Dự án bắt đầu triển khai từ năm 2007. Đến thời điểm 30/06/2021, dự án đang trong quá trình xin thay đổi quy hoạch so với ban đầu.

+ Tòa nhà Gold Tower: Diện tích xây dựng khoảng 2.352m<sup>2</sup>, cao 33 tầng (chưa kể tầng tum) và 03 tầng kỹ thuật và để xe. Đến thời điểm 30/06/2021, dự án cơ bản hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**20. THÔNG TIN VỀ CÁC DỰ ÁN CỦA CÔNG TY (Tiếp theo)**

*Các dự án dự kiến đầu tư của Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV*

- Dự án “Hoàng Huy Commerce” đất ở chung cư, kết hợp thương mại dịch vụ tại Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng.
- Dự án “Hoàng Huy Grand Tower” đất ở liền kề, đất ở kết hợp chung cư, thương mại dịch vụ tại Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.
- Dự án “Hoàng Huy New City” đất ở liền kề, đất ở liền kề sân vườn, đất nhà ở xã hội, đất ở chung cư, đất hỗn hợp, thương mại dịch vụ tại huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng.
- Dự án “Hoàng Huy Green River” đất ở liền kề, đất ở liền kề sân vườn, đất nhà ở xã hội, đất ở chung cư, đất hỗn hợp, thương mại dịch vụ tại huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng.

Đây là các dự án hiện do Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy là Chủ đầu tư và đang thực hiện các thủ tục chuẩn bị đầu tư. Các dự án trên sẽ phân giao/chuyển giao/ thực hiện bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn bất động sản CRV theo chủ trương và kế hoạch phát triển dự án được Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy, Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản CRV, Công ty cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy thông qua. Công ty Cổ phần Tập đoàn bất động sản CRV hiện là công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy.

**21. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

**Danh sách các bên liên quan:**

	<b>Bản chất bên liên quan</b>
Công ty CP Đầu tư DVTC Hoàng Huy	Cùng cổ đông lớn và thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang	Công ty con
Công ty TNHH Pruksa Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn bất động sản CRV	Công ty liên kết
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các thành viên gia đình	Các bên có liên quan

*Trong kỳ, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:*

	<b>Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06</b>	
	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy</b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	66.000.000	33.220.000
Phải thu từ hoạt động hợp tác kinh doanh	-	45.846.145.739
Nhận tiền từ hoạt động hợp tác kinh doanh	-	73.642.380.051
<b>Công ty Cổ phần phát triển DV Hoàng Giang</b>		
Nhận cổ tức bằng tiền	-	136.500.750.000
<b>Công ty Cổ phần Tập đoàn bất động sản CRV</b>		
Góp vốn	-	858.150.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Số dư với các bên liên quan:*

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
<b>Công ty TNHH Pruksa Việt Nam</b>		
Tiền lãi vay phải trả	-	4.668.153.972
Tiền vay phải trả	213.475.000.000	243.475.000.000

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ ngày 01/01 đến ngày 30/06	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Nguyễn Thế Hùng- Giám đốc	88.430.000	106.225.000

**22. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH LỢI NHUẬN QUÝ II NĂM 2021 SO VỚI CÙNG KỶ**

Trong Quý II năm 2021, doanh thu của công ty đạt 128,3 tỷ đồng, tăng 250,7% so với cùng kỳ năm ngoài. Lợi nhuận sau thuế đạt 9,6 tỷ đồng, giảm 93% so với cùng kỳ năm ngoài. Lý do cho biến động này là do trong quý II năm 2020, công ty đã nhận phần chi trả cô tức bằng tiền là 136,5 tỷ đồng của Công ty Cổ phần phát triển dịch vụ Hoàng Giang, thêm nữa do công ty chia sẻ và hỗ trợ các khách hàng trong mua xe trong điều kiện gặp nhiều khó khăn về kinh tế và bối cảnh dịch bệnh Covid-19 đang diễn ra nghiêm trọng nên thực hiện các chương trình hỗ trợ giá bán cho khách hàng có thể mua xe với giá ưu đãi.

**23. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh được thu thập từ Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán và báo cáo tài chính riêng kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2020 đến ngày 30/06/2020

Phạm Hồng Dung  
Người lập biểu  
Ngày 26 tháng 07 năm 2021

Hồ Thị Xuân Hòa  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Hùng  
Giám đốc